

BẢNG GIÁ







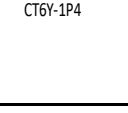


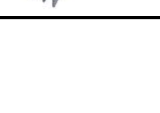
Thiết bị điều khiển



Autonics







2025








STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	KIỂU	INPUT	OUTPUT	DIỄN GIẢI	
BỘ ĐẾM - COUNTER									
1		FS4-1P4	2,287,440	48 x 48	Đồng hồ cơ 4 số	NPN	Relay	Đồng hồ phím cơ 4 số, Input: NPN, ngõ ra Relay	
2		FX4S-1P4	2,287,440		NPN/PNP	Đồng hồ phím cơ 4 số, 2 Input: NPN/PNP, ngõ ra: Relay			
3		FS5-I4	1,588,680		Hiện thị 5 số	NPN		Hiện thị 5 số, Input: NPN	
4		FX4M-1P4	2,847,960	72 x 72	Đồng hồ cơ 4 số	NPN/PNP	2 ngõ Relay	Đồng hồ phím cơ 4 số, 2 Input: NPN/PNP, ngõ ra Relay	
5		FX4H-2P4	3,768,120	48 x 96				Đồng hồ phím cơ 4 số, 2 Input: NPN/PNP, 2 ngõ ra Relay	
6		FX6M-1P4	3,285,360	72 x 72	Đồng hồ cơ 6 số			Relay	Đồng hồ phím cơ 6 số, 2 Input: NPN/PNP, ngõ ra Relay
7		FX6M-2P4	4,253,040					2 ngõ Relay	Đồng hồ phím cơ 6 số, 2 Input: NPN/PNP, 2 ngõ ra: Relay
8		F4AM	1,919,160	72 x 36	Hiện thị 4 số			NPN	
9		FX4YI	2,034,720		Hiện thị 6 số	Hiện thị 6 số, Input: NPN			
10			FM4M-1P4	4,030,560	72 x 72	Bộ đếm chuyên dùng đo chiều dài		Bộ đếm chuyên dùng đo chiều dài	
11			FM6M-1P4	4,467,960					
12		CT4S-1P4	1,975,320	48 x 48	Hiện thị 4 số		Relay/ Transistor	4 số, ngõ vào :NPN/PNP, 1 ngõ ra: Relay/ Transistor	
13		CT4S-2P4	2,433,240				2 ngõ Relay/ Transistor	4 số, ngõ vào :NPN/PNP, 2 ngõ ra: Relay/ Transistor	
14		CT6S-1P4	2,211,840				Relay/ Transistor	6 số, ngõ vào :NPN/PNP, 1 ngõ ra: Relay/ Transistor	
15		CT6S-2P4	2,623,320		2 ngõ Relay/ Transistor	6 số, ngõ vào :NPN/PNP, 2 ngõ ra: Relay/ Transistor			
16		CT6S-I4	1,864,080		chỉ hiển thị	6 số, ngõ vào NPN/PNP, chỉ hiển thị			
17		CT6M-1P4	2,661,120		72 x 72	Hiện thị 6 số		Relay/ Transistor	6 số, ngõ vào :NPN/PNP, 1 ngõ ra: Relay/ Transistor
18		CT6M-2P4	3,080,160	2 ngõ Relay/ Transistor				6 số, ngõ vào :NPN/PNP, 2 ngõ ra: Relay/ Transistor	
19		CT6M-I4	2,211,840	chỉ hiển thị				6 số, ngõ vào NPN/PNP, chỉ hiển thị	
20		CT6M-1P4T	3,538,080	Relay/ Transistor		6 số, ngõ vào :NPN/PNP, 1 ngõ ra: Relay/ Transistor, có truyền thanh PS485			
21		CT6M-2P4T	3,957,120	2 ngõ Relay/ Transistor		6 số, ngõ vào :NPN/PNP, 2 ngõ ra: Relay/ Transistor, có truyền thanh PS485			
22		CT6Y-1P4	2,211,840	72 x 36			2 ngõ NPN/PNP	Relay/ Transistor	Hiện thị 6 số, 2 In: NPN/PNP, ngõ ra: Relay/ Transistor
23		CT6Y-2P4	2,401,920		2 ngõ Relay/ Transistor			Hiện thị 6 số, 2 In: NPN/PNP, 2 ngõ ra: Relay/ Transistor	
24		CT6Y-I4	1,864,080		Loại chỉ hiển thị			Chỉ hiển thị, 100-240VAC, 2 input NPN/PNP	
25		LA8N-BN	1,151,280	48 x 24	LCD Hiện thị 8 số		Ngo vào không điện áp, có pin nuôi	LCD, 8 số, ngõ vào không điện áp, có pin sẵn	
26		LA8N-BF	1,259,280				Ngo vào 24-240VAC/6-24VDC, có pin nuôi	LCD, 8 số, ngõ vào 24-240VAC/6-24VDC, có pin sẵn	
27		PGB48-W	47,520	48 x 48	Chụp nhựa cho đồng hồ kích thước 48x48		Chụp nhựa cho đồng hồ kích thước 48x48		
28		PG-08	95,040	8 chân	Chân đế gắn mặt tù 8 chân tròn		Chân đế gắn mặt tù 8 chân tròn		
29		PS-08 (N)	95,040		Chân đế gắn thanh ray 8 chân tròn		Chân đế gắn thanh ray 8 chân tròn		
30		PG-11	132,840	11 chân	Chân đế gắn mặt tù 11 chân tròn		Chân đế gắn mặt tù 11 chân tròn		
31		PS-11 (N)	132,840		Chân đế gắn thanh ray 11 chân tròn		Chân đế gắn thanh ray 11 chân tròn		

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	KIỂU	INPUT	OUTPUT	DIỄN GIẢI
BỘ ĐỊNH THỜI - TIMER (Digital)								
32		FS4E-1P4	2,326,320	48 x 48	Đồng hồ cơ 4 số		Relay	Đồng hồ phím cơ, 4 số, ngõ ra: Relay
34		LE4S	1,939,680				Relay	Màn hình LCD, 10 chế độ hoạt động, ngõ ra: Relay
35		LE4SA	1,939,680					Màn hình LCD, 13 chế độ hoạt động, ngõ ra: Relay
36		LE7M-2	LE7M-2B,D	2,946,240	72 x 72	LCD, đồng hồ thời gian thực cho 7 ngày/ tuần		LCD, đồng hồ thời gian thực cho 7 ngày/ tuần
BỘ ĐỊNH THỜI - TIMER (Analog)								
37		AT8N	714,960	48 x 48	Bộ định thời loại núm vặn (analog)		8 chân, chỉnh ngưỡng thời gian: giờ, phút, giây	8 chân, chỉnh ngưỡng thời gian: giờ, phút, giây
38		AT8PMN	1,123,200				Loại Off Delay, ngưỡng thời gian: 10 phút	Loại Off Delay, ngưỡng thời gian: 10 phút
39		AT8PSN	1,123,200				Loại Off Delay, ngưỡng thời gian: 10 giây	Loại Off Delay, ngưỡng thời gian: 10 giây
40		AT8SDN	999,000				Loại Timer chuyển đổi sao tam giác	Loại Timer chuyển đổi sao tam giác
41		AT11DN	764,640				11 chân, chỉnh ngưỡng thời gian: giờ, phút, giây	11 chân, chỉnh ngưỡng thời gian: giờ, phút, giây
42		ATE8-41	440,640				Loại On-delay, ngưỡng 1S/ 10S/ 1M/ 10M/ 1H	Loại On-delay, ngưỡng 1S/ 10S/ 1M/ 10M/ 1H
43		ATE8-43	440,640				Loại On-delay, ngưỡng 3S/ 30S/ 3M/ 30M/ 3H	Loại On-delay, ngưỡng 3S/ 30S/ 3M/ 30M/ 3H
44		ATE8-46	440,640				Loại On-delay, ngưỡng 6s/ 60S/ 6M/ 60M/ 6H	Loại On-delay, ngưỡng 6s/ 60S/ 6M/ 60M/ 6H
45	LE8N-BN	1,211,760	48 x 24	Bộ định thời điện tử		Ngõ vào không điện áp, có pin nuôi	LCD, 8 số, ngõ vào không tiếp áp, có pin 3V	
46	LE8N-BF	1,285,200				Ngõ vào 24-240VAC/6-24VDC, có pin nuôi	LCD, 8 số, ngõ vào 24-240VAC/6-24VDC, có pin 3V	
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPERATURE CONTROLLER (Digital)								
50		TC3YF-14R-NTC	1,553,040	72 x 36	Điều khiển lạnh	đầu dò NTC	Relay	Điều khiển lạnh, 1 ngõ ra Relay, đầu dò NTC
51		TC3YF-14R-RTD				đầu dò RTD (PT100)		Điều khiển lạnh, 1 ngõ ra Relay, đầu dò RTD (PT100)
52		TC3YF-34R-NTC	2,036,880			đầu dò NTC	3 ngõ Relay	Điều khiển lạnh, 3 ngõ ra Relay, đầu dò NTC
53		TC3YF-34R-RTD				đầu dò RTD (PT100)	Relay	Điều khiển lạnh, 1 ngõ ra Relay, đầu dò RTD (PT100)
54	T3NI-	994,680	48 x 24	Đồng hồ hiển thị nhiệt, nguồn cấp 12-24VDC		Đồng hồ hiển thị nhiệt, nguồn cấp 12-24VDC		
55	T3S-B4R...		48 x 48	48 x 96	K/ PT100/ J (chọn theo mã)	Relay/SSR/4-20mA	Phím cơ, ngõ ra Relay/SSR/4-20mA	
56	T3H-B3RK4C	2,195,640	Phím cơ, ngõ ra Relay/SSR/4-20mA + 1 cảnh báo					
57	T3HA-B4RP4C-N	2,799,360						
58	T4YM	1,636,200	72 x 36	96 x 48	Đồng hồ hiển thị nhiệt		Đồng hồ hiển thị nhiệt	
59	T4WI-	1,636,200						
60	T4WM-	2,357,640	Hiện thị 5 kênh đầu dò, K(CA) hoặc Pt100					Hiện thị 5 kênh đầu dò, K(CA) hoặc Pt100
61	T4M-	2,417,040	72 x 72	Phím cơ	K/ PT100/ J (chọn theo mã)	Relay/SSR/4-20mA	Phím cơ, ngõ ra Relay/SSR/4-20mA	
62	T4MA-	2,947,320				Relay/SSR/4-20mA + 1 cảnh báo	Phím cơ, ngõ ra Relay/SSR/4-20mA + 1 cảnh báo	
63	T4L-	2,549,880	96 x 96	Phím cơ	K/ PT100/ J (chọn theo mã)	Relay/SSR/4-20mA	Phím cơ, ngõ ra Relay/SSR/4-20mA	
64	T4LA-	2,909,520				Relay/SSR/4-20mA + 1 cảnh báo	Phím cơ, ngõ ra Relay/SSR/4-20mA + 1 cảnh báo	
65	T4LP-	2,947,320				R/SSR	Phím cơ, 2 ngõ ra: R/SSR, 2 cài đặt	

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	KIỂU	INPUT	OUTPUT	DIỄN GIẢI	
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPERATURE CONTROLLER (Analog)									
66		TAS-B4RK4C (Mã cũ TOS-)	803,520	48 x 48	Núm vặn, 0~100, 200, 400, đầu dò : K(CA)/ RTD			Núm vặn, 0~100, 200, 400, đầu dò :K(CA)/ RTD	
67		TAS-B4RP4C (Mã cũ TOS-)							
68		TAM- (Mã cũ TAS-)	868,320	72 x 72					
69		TAL- (Mã cũ TAL-)		96 x 96					
BỘ CHUYỂN ĐỔI NHIỆT ĐỘ - ĐỘ ẨM - TEMPERATURE/ HUMIDITY CONTROLLER									
70		THD-R-C,V	2,733,480	W60XH80X33.5 mm	Lắp trong phòng. C ngõ ra 4-20mA, V ngõ ra 1-5VDC			Đề trong phòng. C ngõ ra 4-20mA, V ngõ ra 1-5VDC	
71		THD-R-T	3,124,440					Đề trong phòng. Truyền thông RS 485	
72		THD-D1-C,V	3,728,160	W72XH85X34mm				Lắp đường ống, dài 100mm. C ngõ ra 4-20mA, V ngõ ra 1-5VDC	Gắn đường ống, dài 100mm. C ngõ ra 4-20mA, V ngõ ra 1-5VDC
73		THD-D1-T	3,934,440					Lắp đường ống, dài 100mm. Truyền thông RS485	Gắn đường ống, dài 100mm. Truyền thông RS485
74		THD-D2-C,V	3,728,160					Lắp đường ống, dài 200mm. C ngõ ra 4-20mA, V ngõ ra 1-5VDC	Gắn đường ống, dài 200mm. C ngõ ra 4-20mA, V ngõ ra 1-5VDC
75		THD-D2-T	3,934,440					Lắp đường ống, dài 200mm. Truyền thông RS485	Gắn đường ống, dài 200mm. Truyền thông RS485
BỘ ĐIỀU KHIỂN NGUỒN									
76		SPC1-35-E	2,301,480	100-220VAC	Input: 1-5VDC, 4-20A, VR 1 KOhm, dòng tải 35A			In: 1-5VDC, 4-20A, VR; 1KOhm, tải 35A	
77		SPC1-50-E	2,877,120					Input: 1-5VDC, 4-20A, VR 1 KOhm, dòng tải 50A	In: 1-5VDC, 4-20A, VR; 1KOhm, tải 50A
BỘ CHUYỂN TÍN HIỆU TỪ RS 232 SANG RS 485									
78		SCM-38I	2,369,520	12-24VDC	Bộ chuyển đổi RS 232 sang RS 485			Chuyển từ RS 232 sang RS 485	
STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	KIỂU	INPUT	OUTPUT	DIỄN GIẢI	
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPERATURE CONTROLLER (PID)									
79		TK4H-14R,C,S_C,R	2,656,800	48 x 96	Multi Input			Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo	On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, 1 cảnh báo
80		TK4H-24R,C,S_C,R	2,910,600					Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo	On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, 2 cảnh báo
81		TK4L-14R,C,S_C,R	2,732,400	96 x 96				Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo	On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, 1 cảnh báo
82		TK4L-24R,C,S_C,R	2,986,200					Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo	On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, 2 cảnh báo
83	TK4L-A4R,C,S_C,R	3,194,640	72 x 72	Relay/SSR/4-20mA Trans 4-20mA				On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, Trans 4-20mA	
84	TK4M-14R,C,S_C,R	2,656,800		Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo				On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, 1 cảnh báo	
85	TK4M-24R,C,S_C,R	2,910,600		Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo				On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, 2 cảnh báo	
86	TK4M-A4R,C,S_C,R	3,127,680	96 x 48	Relay/SSR/4-20mA Trans 4-20mA				On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, Trans 4-20mA	
87	TK4M-B4R,C,S_C,R	3,306,960		Relay/SSR/4-20mA Aurrent RS485				On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, RS485	
88	Tk4W-14R,C,S_C,R	2,656,800		Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo	On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, 1 cảnh báo				
89	TK4W-24R,C,S_C,R	2,910,600	48 X 48	Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo	On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, 2 cảnh báo				
90	TK4W-A4R,C,S_C,R	3,127,680		Relay/SSR/4-20mA Trans. 4-20mA	On/Off-PID, đa ngõ vào, ngõ ra: Relay/SSR/4-20mA, Trans. 4-20mA				
91	TC4S-14R	1,561,680		72 X 72	Relay + SSR	Input K+PT100+J ngõ ra: Relay + SSR, 1 cảnh báo, 1 dòng LED			
92	TC4S-24R	1,702,080	Relay + SSR, 2 cảnh báo 1 dòng LED		Input K+PT100+J, ngõ ra: Relay + SSR, 2 cảnh báo, 1 dòng LED				
93	TC4M-14R	1,702,080	48 X 96	Relay + SSR, 1 cảnh báo 1 dòng LED	Input K+PT100+J, ngõ ra: Relay + SSR, 1 cảnh báo, 1 dòng LED				
94	TC4M-24R	1,841,400		Relay + SSR, 2 cảnh báo 1 dòng LED	Input K+PT100+J, ngõ ra: Relay + SSR, 2 cảnh báo, 1 dòng LED				
95	TC4H-14R	1,702,080	96 X 48	Relay + SSR, 2 cảnh báo 1 dòng LED	Input K+PT100+J, ngõ ra: Relay + SSR, 2 cảnh báo, 1 dòng LED				
96	TC4H-24R	1,841,400		Relay + SSR, 1 cảnh báo 1 dòng LED	Input K+PT100+J, ngõ ra: Relay + SSR, 1 cảnh báo, 1 dòng LED				
97	TC4W-14R	1,702,080	96 X 96	Relay + SSR, 2 cảnh báo 1 dòng LED	Input K+PT100+J, ngõ ra: Relay + SSR, 2 cảnh báo, 1 dòng LED				
98	TC4W-24R	1,841,400		Relay + SSR, 1 cảnh báo 1 dòng LED	Input K+PT100+J, ngõ ra: Relay + SSR, 1 cảnh báo, 1 dòng LED				
99	TC4L-14R	1,775,520		Relay + SSR, 2 cảnh báo 1 dòng LED	Input K+PT100+J, ngõ ra: Relay + SSR, 2 cảnh báo, 1 dòng LED				

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	Kiểu	INPUT	OUTPUT	DIỄN GIẢI	
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPURATURE CONTROLLER (PID)									
100		TCN4S-24R	1,738,800	48 X 48	On/Off-PID	Multi Input		Ngõ ra relay 2 ngõ ra cảnh báo	
101		TCN4M-24R	1,952,640	72 X 72					
102		TCN4H-24R	1,952,640	48 X 96					
103		TCN4L-24R	2,019,600	96 X 96					
104			TK4S-14RR	2,337,120			48 X 48	2 ngõ Relay 1 cảnh báo	Đa ngõ vào, 2 ngõ ra: Relay, 1 cảnh báo
105			TK4S-B4RR	2,986,200				2 ngõ Relay 2 cảnh báo RS485	Đa ngõ vào, 2 ngõ ra: Relay, 2 cảnh báo, RS485
106			TK4S-14RN	2,015,280			96 X 96	Relay	Đa ngõ vào, 1 ngõ ra: Relay
107			TK4S-14CN	2,015,280			48 X 48	4-20mA +SSR 1 cảnh báo	Đa ngõ vào, 1 ngõ ra: 4-20mA +SSR, 1 cảnh báo
108	TK4S-14SN		2,015,280	SSR 1 cảnh báo				Đa ngõ vào, 1 ngõ ra: SSR, 1 cảnh báo	
109	TK4S-14RC		2,337,120	2 ngõ Relay 4-20mA+SSR 1 cảnh báo				Đa ngõ vào, 2 ngõ ra: Relay, 4-20mA+SSR , 1 cảnh báo	
110	TK4S-14SR		2,337,120	2 ngõ SSR Relay, 1 cảnh báo				Đa ngõ vào, 2 ngõ ra: SSR, Relay, 1 cảnh báo	
111	TK4S-14CC		2,337,120	2 ngõ 4-20mA+ SSR 1 cảnh báo				Đa ngõ vào, 2 ngõ ra: 4-20mA +SSR , 1 cảnh báo	
112	TK4S-24SN	2,269,080	SSR, 2 cảnh báo	Đa ngõ vào, 1 ngõ ra: SSR, 2 cảnh báo					
113	TK4S-24RN	2,269,080	SSR, 2 cảnh báo	Đa ngõ vào, 1 ngõ ra: Relay , 2 cảnh báo					
114	TK4S-B4CC	2,986,200	2 ngõ 4-20mA + SSR 2 cảnh báo, RS485	Đa ngõ vào, 2 ngõ ra: 4-20mA + SSR , 2 cảnh báo, RS485					
115		TK4S-B4CR	2,986,200	48 X 48			2 ngõ 4-20mA + SSR Relay, 2 cảnh báo, RS485	Đa ngõ vào, 2 ngõ ra: 4-20mA + SSR, Relay, 2 cảnh báo, RS485	
116		TK4S-T4CR	2,806,920				2 ngõ 4-20mA, Relay, 1 cảnh báo, RS485	Đa ngõ vào, 2 ngõ ra: 4-20mA, Relay, 1 cảnh báo, RS485	
117		TK4S-T4SC	2,806,920				2 ngõ SSR, 4-20mA + SSR , 1 cảnh báo, RS485	Đa ngõ vào, 2 ngõ ra: SSR, 4-20mA + SSR , 1 cảnh báo, RS485	
118		TK4M-14RN	2,337,120	72 X 72			Relay, 1 cảnh báo	đa ngõ vào, 1 ngõ ra: Relay , 1 cảnh báo	
119		TK4M-14RR	2,656,800				2 ngõ Relay, 1 cảnh báo	đa ngõ vào, 2 ngõ ra: Relay , 1 cảnh báo	
120		TK4M-B4RN	2,986,200				Relay , 2 cảnh báo, RS485	đa ngõ vào, 1 ngõ ra: Relay , 2 cảnh báo, RS485	
121		TK4M-24RN	2,583,360				Relay, 2 cảnh báo	đa ngõ vào, 1 ngõ ra: Relay , 2 cảnh báo	
122	TK4M-24RR	2,910,600	2 ngõ Relay, 2 cảnh báo	đa ngõ vào, 2 ngõ ra: Relay , 2 cảnh báo					
123		TK4H-14RN	2,337,120	48 X 96			Relay, 1 cảnh báo	đa ngõ vào, 1 ngõ ra: Relay , 1 cảnh báo	
124		TK4H-24RN	2,583,360				Relay, 2 cảnh báo	đa ngõ vào, 1 ngõ ra: Relay , 2 cảnh báo	
125		TK4W-14CN	2,337,120				4-20mA +SSR , 1 cảnh báo	đa ngõ vào, 1 ngõ ra: 4-20mA +SSR , 1 cảnh báo	
126	TK4W-14RN	2,337,120	96 X 48	Relay, 1 cảnh báo			đa ngõ vào, 1 ngõ ra: Relay , 1 cảnh báo		
127	TK4W-24RR	2,910,600	2 ngõ Relay, 2 cảnh báo	đa ngõ vào, 2 ngõ ra: Relay , 2 cảnh báo					
128		TK4L-14CN	2,404,080	96 X 96			4-20mA, 1 cảnh báo	đa ngõ vào, 1 ngõ ra: 4-20mA, 1 cảnh báo	
129		TK4L-14RN	2,404,080				Relay, 1 cảnh báo	đa ngõ vào, 1 ngõ ra: Relay , 1 cảnh báo	
130		TK4L-14CC	2,732,400				2 ngõ 4-20mA + SSR 1 cảnh báo	đa ngõ vào, 2 ngõ ra: 4-20mA + SSR, 1 cảnh báo	
131		TK4L-14CR	2,732,400				2 ngõ 4-20mA + SSR Relay , 1 cảnh báo	đa ngõ vào, 2 ngõ ra: 4-20mA + SSR, Relay , 1 cảnh báo	
132		TK4L-A4CC	3,194,640				2 ngõ 4-20mA+SSR 2 cảnh báo, Trans 4-20mA	đa ngõ vào, 2 ngõ ra: 4-20mA+SSR, 2cảnh báo, Trans 4-20mA	
133		TK4L-24RN	2,656,800				1 ngõ Relay, 2 cảnh báo	đa ngõ vào, 1 ngõ ra: Relay , 2 cảnh báo	
134		TK4L-24RR	2,986,200				2 ngõ Relay , 2 cảnh báo	đa ngõ vào, 2 ngõ ra: Relay , 2 cảnh báo	
135	TK4L-T4CR	3,194,640	2 ngõ 4-20mA + SSR Relay , 1 cảnh báo, RS485	đa ngõ vào, 2 ngõ ra: 4-20mA + SSR, Relay , 1 cảnh báo, RS485					

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	KIỂU	INPUT	OUTPUT	DIỄN GIẢI	
ĐỒNG HỒ VOLT/AMPERE - DIGITAL PANEL METER									
134		M4N-DV-01	1,199,880	48 X 24	Tín hiệu áp DC		Hiện thị Volt DC, Ngưỡng đo: 199.9mV, 5VDC	Hiện thị Volt DC, Ngưỡng đo: 199.9mV, 5VDC	
135		M4W1P-AA/AV	5,157,000	96 X 48	Tín hiệu dòng, áp AC	Relay	Phím cơ, Đo Volt/ Ampere AC, 1 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC	Phím cơ, Đo Volt/ Ampere AC, 1 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC	
136		M4W1P-DA/DV	5,157,000		Tín hiệu dòng, áp DC		Phím cơ, Đo Volt/ Ampere DC, 1 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC	Phím cơ, Đo Volt/ Ampere DC, 1 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC	
137		M4W2P-AA/AV	7,196,040		Tín hiệu dòng, áp AC	2 ngõ Relay	Phím cơ, Đo Volt/ Ampere AC, 2 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC	Phím cơ, Đo Volt/ Ampere AC, 2 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC	
138	M4W2P-DA/DV	7,196,040	Tín hiệu dòng, áp DC			Phím cơ, Đo Volt/ Ampere DC, 2 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC	Phím cơ, Đo Volt/ Ampere DC, 2 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC		
139		M4W-AA/AV	1,846,800	72 X 36	Tín hiệu dòng, áp AC	Loại chỉ hiển thị	Hiện thị Volt AC/ Ampe AC, 100-240 VAC	Hiện thị Volt AC/ Ampe AC, 100-240 VAC	
140		M4W-DA/DV	1,655,640		Tín hiệu dòng, áp DC		Hiện thị Volt DC/ Ampe DC, 100-240 VAC	Hiện thị Volt DC/ Ampe DC, 100-240 VAC	
141		M4Y-AA/AV	1,926,720		Tín hiệu dòng, áp AC		Hiện thị Volt AC/ Ampe AC, 100-240 VAC	Hiện thị Volt AC/ Ampe AC, 100-240 VAC	
142		M4Y-DA/DV	1,728,000		Tín hiệu dòng, áp DC		Hiện thị Volt DC/ Ampe DC, 100-240 VAC	Hiện thị Volt DC/ Ampe DC, 100-240 VAC	
ĐỒNG HỒ VOLT/AMPERE - DIGITAL PANEL METER (Multi meter)									
143		MT4W-DA(V)-4N	1,675,080	96 X 48	Tín hiệu dòng, áp DC		Hiện thị Volt DC/Amp DC	Hiện thị Volt DC/Amp DC	
144		MT4W-DA(V)-40	3,350,160			3Relay + 4-20mADC	Cài đặt Volt/Amp DC, ngõ ra: 3 Relay + 4-20mADC	Cài đặt Volt/Amp DC, ngõ ra: 3 Relay + 4-20mADC	
145		MT4W-DA(V)-41	2,891,160			3Relay	Cài đặt Volt/Amp DC, ngõ ra: 3Relay	Cài đặt Volt/Amp DC, ngõ ra: 3Relay	
146		MT4W-DA(V)-42-49	3,350,160			NPN/PNP, RS485 Trans. DC4-20mA	Cài đặt Volt/Amp DC, ngõ ra: NPN/PNP, RS485, trans. DC4-20mA	Cài đặt Volt/Amp DC, ngõ ra: NPN/PNP, RS485, trans. DC4-20mA	
147		MT4W-AA(V)-4N	1,740,960		Tín hiệu dòng, áp AC		Hiện thị Volt AC/Amp AC	Hiện thị Volt AC/Amp AC	
148		MT4W-AA(V)-40	3,558,600			3R + 4-20mADC	Cài đặt Volt/Amp AC, ngõ ra: 3R + 4-20mADC	Cài đặt Volt/Amp AC, ngõ ra: 3R + 4-20mADC	
149		MT4W-AA(V)-41	3,066,120			3Relay	Cài đặt Volt/Amp AC, ngõ ra: 3Relay	Cài đặt Volt/Amp AC, ngõ ra: 3Relay	
150		MT4W-AA-42-49	3,558,600			NPN/PNP/ RS485/ Trans DC4-20mA			
151		MT4W-AV-42	3,446,280						
152		MT4W-AV-43	3,558,600						
153	MT4W-AV-44-45	3,446,280	72 X 36	Relay/ NPN-PNP/ 4-20mA/ RS485	Hiện thị Volt AC/ Ampe AC	Hiện thị Volt AC/ Ampe AC			
154	MT4W-AV-46	3,558,600			Hiện thị Volt DC/ Ampe DC	Hiện thị Volt DC/ Ampe DC			
155	MT4W-AV-47-49	3,446,280			Ngõ ra: Relay/ NPN-PNP/ 4-20mA/ RS485	Ngõ ra: Relay/ NPN-PNP/ 4-20mA/ RS485			
156	MT4Y-AA(V)-4N	1,839,240	72 X 36		Hiện thị Volt AC/ Ampe AC	Hiện thị Volt AC/ Ampe AC			
157	MT4Y-DA(V)-4N	1,736,640			Hiện thị Volt DC/ Ampe DC	Hiện thị Volt DC/ Ampe DC			
158	MT4Y-AA(V)-40-46	3,389,040			Ngõ ra: Relay/ NPN-PNP/ 4-20mA/ RS485	Ngõ ra: Relay/ NPN-PNP/ 4-20mA/ RS485			
ĐỒNG HỒ ĐO TỐC ĐỘ - TACHOMETER/ PULSE METER									
159		MP5W-4N	2,693,520	96 X 48	Tín hiệu xung	Chỉ hiển thị	Chỉ hiển thị: RPM, m/min, Cycle, Passing time..	Chỉ hiển thị: RPM, m/min, Cycle, Passing time..	
160		MP5W-41	3,965,760			Relay	Hiện thị 13 Chức năng, ngõ ra: Relay (H, Go, L)	Hiện thị 13 Chức năng, ngõ ra: Relay (H, Go, L)	
161		MP5W-44-49	4,653,720			NPN	Hiện thị 13 Chức năng, ngõ ra: NPN, 4-20mA, RS485...	Hiện thị 13 Chức năng, ngõ ra: NPN, 4-20mA, RS485...	
162		MP5M-42	5,661,360			Relay/NPN	Phím cơ, Hiện thị RPM, ngõ ra: Relay, NPN	Phím cơ, Hiện thị RPM, ngõ ra: Relay, NPN	
163		MP5Y-4N	3,078,000	72 X 36	Tín hiệu xung	Chỉ hiển thị	Chỉ hiển thị: RPM, m/min, Cycle, Passing time..	Chỉ hiển thị: RPM, m/min, Cycle, Passing time..	
164		M4Y-S-1	1,728,000				Hiện thị m/min, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 100-240 VAC	Hiện thị m/min, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 100-240 VAC	
165		M4W-S-1	1,886,760				Hiện thị m/min, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 110/220 VAC	Hiện thị m/min, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 110/220 VAC	
166		M4Y-T-1	1,728,000				Hiện thị RPM, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 100-240 VAC	Hiện thị RPM, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 100-240 VAC	
167	M4W-T-1 (DC10V)	1,655,640	96 X 48		Hiện thị RPM, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 110/220 VAC	Hiện thị RPM, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 110/220 VAC			
168	MP5S-4N	3,197,880	48 X 48		Hiện thị RPM, m/mm, Cycle, Passing time..	Hiện thị RPM, m/mm, Cycle, Passing time..			
169	MP5W-4A	4,893,480	96 X 48		Relay	Hiện thị 13 Chức năng, ngõ ra: 5 Relay (HH, H, Go, L, LL)	Hiện thị 13 Chức năng, ngõ ra: 5 Relay (HH, H, Go, L, LL)		

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VNĐ (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI			
CẢM BIẾN TỪ - PROMIMTY SENSOR (LOẠI HÌNH TRỤ (TRÒN))								
1		PRT08-__DO/DC	846,720	Ø8mm	Tròn (2 dây) 12-24VDC, NO/NC	Khoảng cách phát hiện 1.5mm / 2mm		
2		PRT12-__DO/DC	735,480	Ø12mm		Khoảng cách phát hiện 2mm / 4mm		
3		PRT18-__DO/DC	655,560	Ø18mm		Khoảng cách phát hiện 5mm / 8mm		
4		PRT30-__DO/DC	767,880	Ø30mm		Khoảng cách phát hiện 10mm/15 mm		
5		PR08-__DN/DP	846,720	Ø8mm	Tròn (3 dây) Loại ngắn 12-24VDC, NPN/PNP	Khoảng cách 1.5mm / 2mm		
6		PR12-__DN/DP	735,480	Ø12mm		Khoảng cách 2mm / 4mm		
7		PR18-__DN/DP	655,560	Ø18mm		Khoảng cách 5mm / 8mm		
8		PR30-__DN/DP	767,880	Ø30mm		Khoảng cách 10mm / 15mm		
9		PRL08-__DN/DP	846,720	Ø8mm	Tròn (3 dây) Loại dài 12-24VDC, NPN/PNP	Khoảng cách 1.5mm / 2mm		
10		PRL12-__DN/DP	735,480	Ø12mm		Khoảng cách 2mm / 4mm		
11		PRL18-__DN/DP	655,560	Ø18mm		Khoảng cách 5mm / 8mm		
12		PRL30-__DN/DP	767,880	Ø30mm		Khoảng cách 10mm / 15mm		
13		PR12-__AO/AC	960,120	Ø12mm	Tròn (2 dây) 100-240 VAC, NO/NC	Khoảng cách 2mm/4mm		
14		PR18-__AO/AC	887,760	Ø18mm		Khoảng cách 5mm/ 8mm		
15		PR30-__AO/AC	960,120	Ø30mm		Khoảng cách 10mm/ 15mm		
16			PRW08-__DN/DP	1,040,040	Ø8mm	Giắc cắm (Tròn) loại ngắn nối cáp, 12-24VDC	khoảng cách 1.5mm / 2mm	
17	PRW12-__DN/DP		887,760	Ø12mm	Khoảng cách 2mm/4mm			
18	PRW18-__DN/DP		846,720	Ø18mm	Khoảng cách 5mm/ 8mm			
19	PRW30-__DN/DP		960,120	Ø30mm	Khoảng cách 10mm/ 15mm			
20			PRWL08-__DN/DP	1,040,040	Ø8mm	Giắc cắm (Tròn) loại dài nối cáp, 12-24VDC	khoảng cách 1.5mm	
21		PRWL18-__DN/DP	846,720	Ø18mm	Khoảng cách phát hiện 5 mm			
22		PRWL30-__DN/DP	1,040,040	Ø30mm	Khoảng cách phát hiện 15 mm			
CẢM BIẾN TỪ - PROMIMTY SENSOR (LOẠI HÌNH VUÔNG)								
23		PS12-__DN/DP	615,600	Ø12mm	Vuông (3 dây) 12-24VDC, NPN/PNP	Khoảng cách phát hiện 4mm		
24		PSN17-__DN/DP	423,360	Ø17mm		Khoảng cách phát hiện 5mm / 8mm		
25		PSN25-__5DN/DP	463,320	Ø25mm		Khoảng cách phát hiện 5mm		
26		PSN30-__DN/DP	495,720	Ø30mm		Khoảng cách 10mm / 15mm		
27		PSN40-__DN/DP	735,480	Ø40mm		Khoảng cách phát hiện 20mm		
28		PSNT17-5DO	423,360	Ø17mm	Vuông (2 dây) 12-24VDC, NO/NC	Khoảng cách phát hiện 5 mm		
29		PSNT17-5DC						
30		PSN25-5AO	767,880	Ø25mm	Vuông (2 dây) 100-240 VAC, NO/NC	Khoảng cách phát hiện 5mm, NC		
31		PSN25-5AC				Khoảng cách phát hiện 5mm, NO		
32		PSN30-__AO/AC				807,840	Ø30mm	Khoảng cách phát hiện 10mm/15mm
33		PSN40-20AO/AC				1,534,680	Ø40mm	Khoảng cách phát hiện 20mm
34		AS80-50DN3/DP3	3,230,280	Ø80mm	4 dây 12-24VDC	Khoảng cách phát hiện 50mm		
35		PS50-30DP/DN	1,040,040	Ø50mm	3 dây 12-24VDC	Khoảng cách phát hiện 30 mm		
36		PFI25-8DN/DP	687,960	Ø25mm	12-24VDC, 3 dây	Khoảng cách phát hiện 8mm (Loại đẹp)		
37		PFI25-8AO/AC	927,720		110-240VDC, 2 dây			

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VNĐ (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI	
CẢM BIẾN TIỆM CẬN HÌNH TRỤ LOẠI CÓ GIÁC CẮM						
38		PRCM12-_DN/DP	960,120	Ø12mm	Tròn (3 dây) Sử dụng cáp nối, Khoảng cách 2mm / 4mm	
39		PRCM18-_DN/DP	927,720	Ø18mm		Sử dụng cáp nối, Khoảng cách 5mm / 8mm
40		PRCM30-_DN/DP	1,040,040	Ø30mm		Sử dụng cáp nối, Khoảng cách 10mm / 15mm
41		PRCML18-_DN/DP	1,040,040	Ø18mm		Sử dụng cáp nối, Khoảng cách 5mm / 8mm
42		PRCMT12-_DO/DC	960,120	Ø12mm	2 dây Sử dụng cáp nối, Khoảng cách 2mm / 4mm	
CÁP NỐI CÓ GIÁC CẮM						
43		CID2-2	190,080	Cáp nối có giác cắm dây 2m	2 dây	Cáp nối thẳng
44		CID3-2	190,080		3 dây	Cáp nối thẳng
45		CLD3-2	190,080			Cáp nối loại L
46		C1D4-2	325,080		dài 2m	Cáp nối loại 2 đầu nối thẳng
47		C2D4-2	325,080			Cáp nối loại 2 đầu nối hình L
CẢM BIẾN ĐIỆN DUNG - CAPACITY SENSOR						
48		CR18-8DN/DP/DN2	1,380,240	Ø18mm	Tròn (3 dây) 12-24 VDC	Khoảng cách phát hiện 8mm (NPN-NO)/(PNP-NO)/(NPN-NC)
49		CR30-15DN/DP/DN2	1,380,240	Ø30mm		Khoảng cách phát hiện 15mm (NPN-NO)/(PNP-NO)/(NPN-NC)
50		CR18-8AO/AC	1,602,720	Ø18mm	Tròn (2 dây) 100-240 VDC	Khoảng cách phát hiện 8mm
51		CR30-15AO/AC	1,602,720	Ø30mm		Khoảng cách phát hiện 15mm
CẢM BIẾN ĐIỆN QUANG - PHOTOELECTRIC SENSOR						
52		BEN300-DFR	1,434,240	W18x H50xL50mm	loại phản xạ khuếch tán (30mm)	Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC/24-240 VDC
53		BEN300-DDT	1,281,960			Ngõ ra: NPN/PNP , 12-24 VDC
54		BEN3M-PFR	1,515,240			loại phản xạ gương (3m)
55		BEN3M-PDT	1,354,320		Ngõ ra: NPN/PNP , 12-24 VDC	
56		BEN5M-MFR	1,434,240		loại phản xạ gương (5m)	Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC/24-240 VDC
57		BEN5M-MDT	1,281,960			Ngõ ra: NPN/PNP , 12-24 VDC
58		BEN10M-TFR	1,821,960		Thu phát riêng (10m)	Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC/24-240 VDC
59		BEN10M-TDT	1,515,240			Ngõ ra: NPN/PNP , 12-24 VDC
60			BX700-DDT		1,515,240	W25x H26xL80mm
61	BX700-DDT-T		1,708,560	Ngõ ra: NPN/PNP , Timer trễ, 12-24 VDC		
62	BX700-DFR		1,861,920	Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC		
63	BX700-DFR-T		2,095,200	Ngõ ra: Relay , Timer trễ, 24-220 VAC		
64	BX5M-MFR		1,861,920	Phản xạ gương (5m)	Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC/24-240 VDC	
65	BX5M-MFR-T		2,095,200		Ngõ ra: Relay , Timer trễ, 24-220 VAC	
66	BX15M-TDT		1,628,640	Thu phát riêng (15M)	Ngõ ra: NPN/PNP , 12-24.VDC	
67	BX15M-TDT-T		1,861,920		Ngõ ra: NPN/PNP , Timer trễ, 12-24 VDC	
68	BX15M-TFR		2,014,200		Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC/24-240 VDC	
69	BX15M-TFR-T		2,288,520		Ngõ ra: Relay , Timer trễ, 24-220 VAC	

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VNĐ (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI		
70		BF3RX	1,231,200	W15x H39xL70mm	Sử dụng cáp quang	ngõ ra: NPN, chỉnh tay, 12-24 VDC	
71		BF4R	1,774,440	W12x H33xL62mm		Sử dụng cáp quang, ngõ ra: NPN, chế độ dạy khoảng cách phát hiện (teaching mode), 12-24 VDC	
72		BF4RP					
73		BM200-DDT	1,306,800	W16xH28xL52	Thu phát chung 200M	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 200mm	
74		BM1M-MDT			Phản xạ gương	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 1m	
75		BM3M-TDT	1,347,840		Thu phát riêng	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 3m	
76		BMS300-DDT/P	1,306,800		Thu phát chung	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 300mm	
77		BMS2M-MDT/P	1,306,800		Phản xạ gương	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 2m	
78		BMS5M-TDT/P	1,545,480		Thu phát riêng	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 5m	
79		BRQM100-DDTA	1,264,680	Hình trụ M18	Thu phát chung (12-24 VDC) ngõ ra: NPN/PNP	(thân kim loại), khoảng cách phát hiện 100mm Thay thế BR100-DDT	
80		BRQP100-DDTA	1,226,880			(thân nhựa), khoảng cách phát hiện 100mm Thay thế BRP100-DDT	
81		BRQM400-DDTA	1,264,680			(thân kim loại), khoảng cách phát hiện 400mm Thay thế BR400-DDT	
82		BRQP400-DDTA	1,226,880			(thân nhựa), khoảng cách phát hiện 400mm. Thay thế BRP400-DDT	
83		BRQM5M-TDTA	1,558,440		Thu phát riêng (12-24 VDC) ngõ ra: NPN/PNP Vỏ kim loại	khoảng cách phát hiện 4m, Light On/ Dark On. Thay thế BR4M-TDTD	
84		BRQM5M-TDTA	1,558,440			khoảng cách phát hiện 4m, Light On/ Dark On. Thay thế BR4M-TDTL	
85		BRQM20M-TDTA	1,474,200			khoảng cách phát hiện 20m, Light On/ Dark On. Thay thế BR20M-TDTD	
86		BRQM20M-TDTA-C	1,474,200			khoảng cách phát hiện 20m, Light On/ Dark On. Thay thế BR20M-TDTL	
87		BUP-30/P	1,311,120	Hình dạng chữ U	ngõ ra NPN/PNP	Khoảng cách 30mm	
88		BUP-30S/P	1,428,840			Khoảng cách 30mm, điều chỉnh được	
89		BUP-50/P	1,394,280			Khoảng cách 50mm	
90		BUP-50S	1,504,440			Khoảng cách 30mm, điều chỉnh được	
91		BUP-50S-P	1,504,440			Khoảng cách 30mm, ngõ ra NPN, điều chỉnh được	
CẢM BIẾN CỬA TỰ ĐỘNG							
92		ADS-AF	2,744,280	W26xH60xL224mm		cảm biến cửa tự động, khoảng cách 3m, (mức 24 VAC)	
93		ADS-AE				cảm biến cửa tự động, khoảng cách 3m, (mức 220 VAC)	
CÁP SỢI QUANG							
94		FTS-320-05	1,343,520	L=2m (dùng cho cảm biến sợi quang)		SUS, 2 sợi	Khoảng cách đọc 150mm
95		FT-420-10	807,840			2 sợi	Khoảng cách 500mm
96		FD-320-05	807,840			1 sợi đôi	Khoảng cách đọc 150mm
97		FD-620-10	655,560				Khoảng cách 120mm
98		FDS-620-10	927,720			SUS, 1 sợi đôi	Khoảng cách đọc 40mm
99		FDS-320-05	1,078,920				
100		FDCS-320-05	1,078,920			1 sợi đôi	




STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI		
CẢM BIẾN ĐIỆN QUANG - PHOTOELECTRIC SENSOR							
101		BYD30-DDT-T	882,360	W12xH32xL18mm	Loại nhỏ, thu phát chung		
102		BYD100-DDT	965,520		Khoảng cách phát hiện 30mm, ngõ ra: NPN, timer trễ		
103		BYD3M-TDT/P	1,123,200		Loại nhỏ, thu phát riêng,	Khoảng cách phát hiện 100mm, ngõ ra: NPN	
104		BYS500-TDT1,2	1,081,080			Khoảng cách phát hiện 3M, ngõ ra: NPN/PNP	
105		BMS2M-MDT	1,306,800	W16xH55xL29mm	Phản xạ gương		
106		BMS2M-MDT-P	1,306,800			Khoảng cách phát hiện 2M, ngõ ra: NPN/PNP	
107		BMS5M-TDT	1,545,480		Thu phát riêng	Khoảng cách phát hiện 5M, ngõ ra: NPN/PNP	
108		BMS5M-TDT-P	1,545,480			Khoảng cách phát hiện 3M, ngõ ra: NPN/PNP	
109		BPS3M-TDT	1,661,040			W12xH8xL28mm	Khoảng cách phát hiện 3M, ngõ ra: NPN/PNP
110	BA2M-DDT	1,485,000	W19xH16xL49mm	Loại nhỏ, thu phát chung	Khoảng cách phát hiện 2M, ngõ ra: NPN		
111		BJ15M-TDT/P	1,791,720	W11xH32xL20	Loại nhỏ, thu phát riêng		
112		BJ10M-TDT/P	1,628,640			Khoảng cách phát hiện 15M, ngõ ra: NPN/PNP	
113		BJ1M-DDT/P	1,406,160		Thu phát chung	Khoảng cách phát hiện 10M, ngõ ra: NPN/PNP	
114		BJ3M-PDT-P	1,534,680			Phản xạ gương	Khoảng cách phát hiện 1M, ngõ ra: NPN/PNP
115		BJ300-DDT	1,369,440			Thu phát chung	Khoảng cách phát hiện 3M, ngõ ra: PNP
116		BF5R-D1-N	3,277,800	12-24VDC ±10%(sóng P-P; max. 10%)	Hiện thị kép, LED 7 đoạn 4 số Light ON/Dark ON		
117		BF5R-D1-P					
118		BF5R-S1-N	2,623,320				
119		BF5R-S1-P					
120		BS5-K2M	221,400	Hình K	12-24VDC		
121		BS5-T2M		Hình T		Loại mini, NPN-NO	
122		BS5-L2M		Hình L			
123		CT-01	51,840	W40xH60	Phụ kiện cho cảm biến quang BS5		
124		CT-02(1M)	153,360				
125		CT-02(2M)	212,760				
126		MS-2	127,440			Gương dùng cho cảm biến phản xạ gương	
CẢM BIẾN VÙNG - AREA SENSOR							
127		BW20-08-(P)	6,305,040	L=160mm	12-24 VDC±10% ngõ ra NPN/PNP		
128		BW20-12-(P)	8,658,360	L=240mm		8 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 140mm	
129		BW20-16-(P)	11,039,760	L=320mm		12 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 220mm	
130		BW20-20-(P)	13,393,080	L=400mm		16 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 300mm	
131		BW20-40-(P)	25,218,000	L=800mm		20 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 380mm	
132		BWP20-08-(P)	5,221,800	L=160mm		40 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 780mm	
133		BWP20-12-(P)	6,167,880	L=240mm		8 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 140mm	
134		BWP20-16-(P)	7,116,120	L=320mm		12 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 220mm	
135		BWP20-20-(P)	8,063,280	L=400mm		16 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 300mm	
							20 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 380mm

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI		
CẢM BIẾN ÁP SUẤT - PRESSURE SENSOR							
136		PSAN-D01CV-RC1/8 (thay thế PSA-01-RC1/8)	2,336,040	W30xH30mm	Ngõ ra: NPN/PNP, analog1-5VDC	-0.5~110.0kPa	
137		PSAN-D1CV-RC1/8 (Thay thế PSA-1-RC1/8)				-50~1100kPa	
138		PSAN-DV01CV-RC1/8 (thay thế PSA-V01-RC1/8)	2,336,040			5.0~101.3kPa	
139		PSAN-DC01CV-RC1/8 (thay thế PSA-C01-RC1/8)				-101.3~110kPa	
140		PSO-01	115,560			Phụ kiện	Nắp bảo vệ mặt trước của PSA
141		PSO-02	83,160				Giá đỡ sau PSA
BỘ ĐIỀU KHIỂN SENSOR - SENSOR CONTROLLER							
142		PA-12	1,198,800	W38xH76xL82mm		Ngõ vào: 1 Sensor, 1 ngõ ra: 250VAC 3A	
143		PA10-U	2,048,760			Ngõ vào: 2 Sensor, 1 ngõ ra: 250VAC 3A, timer	
144		PA10-V/P	1,650,240			Ngõ vào: 2 Sensor, NPN/PNP 1 ngõ ra: 250VAC 3A	
145		PA10-W/P				Ngõ vào: 2 Sensor, NPN/PNP 2 ngõ ra: 250VAC 3A	
BỘ NGUỒN DC							
146		SP-0305	1,024,920	W38xH85xL65mm	3W nguồn cấp 100-240VAC	Ngõ ra: 5V, 0.6A	
147		SP-0312				Ngõ ra: 12V, 0.25A	
148		SP-0324				Ngõ ra: 24V, 0.13A	
149		SPA-030-05	1,857,600	W97xH40xL120mm	3W nguồn cấp 100-240VAC	Ngõ ra: 5V, 6A	
150		SPA-030-12				Ngõ ra: 12V, 2.5A	
151		SPA-030-24				Ngõ ra: 24V, 1.5A	
152		SPA-050-05	2,224,800	W97xH40xL120mm	50W nguồn cấp 100-240VAC	Ngõ ra: 5V, 10A	
153		SPA-050-12				Ngõ ra: 12V, 4.2A	
154		SPA-050-24				Ngõ ra: 24V, 2.1A	
155		SPA-075-05	2,837,160	W97xH40xL160mm	75W nguồn cấp 100-240VAC	Ngõ ra: 5V, 15A	
156		SPA-075-12				Ngõ ra: 12V, 6.3A	
157		SPA-075-24				Ngõ ra: 24V, 3.2A	
158		SPA-100-05	3,089,880	W97xH40xL160mm	100W nguồn cấp 100-240VAC	Ngõ ra: 5V, 20A	
159		SPA-100-12				Ngõ ra: 12V, 8.5A	
160		SPA-100-24				Ngõ ra: 24V, 4.2A	
BỘ GIẢI MÃ VÒNG QUAY - ROTARY ENCODER							
161		E40S6-1~300-3-T/N-24	2,874,960	Ø40mm, cốt 6mm	Nguồn 24V DC	1, 2, ... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng	
162		E40S6-360-3-N-24	3,456,000			400, ... ,1000, 1024, 1800 xung/ vòng	
163		E40S6-400~1800-3-N	3,456,000			400, ... ,1000, 1024, 1800 xung/ vòng	
164		E40S6-2000~3600-3-	3,718,440			2000, 2048, 2500, 3000, 3600, 3600 xung/ vòng	
165		E40S6-5000-3-T/N	4,180,680			5000 xung/ vòng,	
166		E40S6-1~300-6-L-5	3,456,000			Nguồn 5V DC	1, 2, ... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng
167		E40S6-360~1800-6-L-5	4,029,480				360, 400, ... , 1500, 1800 xung/ vòng
168		E40S6-2000~3600-6-L-5	4,299,480				2000, 2048, 2500, 3000, 3600, 3600 xung/ vòng
169		E40S6-5000-6-L-5	4,754,160				5000 xung/ vòng

Lưu ý: Đối với mã hàng Encoder, Quý khách hàng vui lòng gọi kiểm tra lại giá trước khi báo giá cho khách hàng.

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI		
BỘ GIẢI MÃ VÒNG QUAY - ROTARY ENCODER							
170		E50S8-1~300-3-N/T-24	3,408,480	Ø50mm, cốt 8mm	Nguồn 24V DC 1, 2,... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng		
171		E50S8-360~600-3-N/T-24	3,408,480			360,400, ... 600, ... 1000, ... 1800 xung/ vòng	
172		E50S8-1000~1800-3-N/T-24	4,253,040			1000, 1024, 1800 xung/ vòng	
173		E50S8-5000-3-N-24	4,714,200			5000 xung/ vòng	
174		E50S8-5000-3-N-24-C	4,906,440			6000 xung/ vòng	
175		E50S8-6000-3-N-24	5,176,440			6000 xung/ vòng	
176		E50S8-8000-3-N-24	5,638,680			8000 xung/ vòng	
177		E50S8-1~300-6-L-5	3,989,520		nguồn 5 V	1, 2,... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng	
178		E50S8-360~600-6-L-5	3,989,520			360, ..., 600 xung/ vòng	
179		E50S8-1000~3600-6-L-5	4,826,520			1000, 2000... 3000, 3600 xung/ vòng	
180		E50S8-1800~3600-3-N/T-24	4,253,040			Nguồn 24V DC 1800, 2000... 3000, 3600 xung/ vòng _ (*) C, CS, CR	
181		E50S8-2000~3600-3-N/T-24	4,253,040				
182		E50S8-1800~3600-3-N/T-24-C	4,444,200				
183		E50S8-2000~3600-3-N/T-24-C	4,444,200				
184		E50S8-6000-6-L-5	5,748,840		6000 xung/ vòng		
185	E50S8-8000-6-L-5	6,211,080	8000 xung/ vòng				
186		E40H8-10~250-3-N-24	3,456,000	Ø40mm, lỗ 8mm	Nguồn 24V DC 10~ ... 300 xung/ vòng		
187		E40H8-300-3-N/T-24	3,456,000			10~ ... 300 xung/ vòng	
188		E40H8-360~1800-3-N/T-24	4,029,480			360, 400, ... 600, ... 1000, ... 1800 xung/ vòng	
189		E40H8-2000~3600-3-N/T-24	4,299,480			2000, 2500... 3600 xung/ vòng	
190		E40H8-5000-3-N/T-24	4,754,160			5000 xung/ vòng	
191			E40H8-10~300-6-L-5		4,029,480	Nguồn 5V DC 10~ ... 300 xung/ vòng	
192			E40H8-360~1800-6-L-5		4,602,960		360, 400, ... 600, ... 1000, ... 1800 xung/ vòng
193			E40H8-2000~3600-6-L-5		4,874,040		2000, 2500... 3600 xung/ vòng
194			E40H8-5000-6-L-5		5,335,200		5000 xung/ vòng
195			E68S15-1024-6-L-5		7,669,080		Ø68mm cốt 15mm
196		E80H30-60~512-3-N/T-24	6,784,560	Ø80mm lỗ 30mm	Nguồn 24V DC 60, 75, 100, ..., 360, 400, 500, 512 xung/ vòng		
197		E80H30-1024-3-N/T-24	9,668,160			1024 xung/ vòng	
198		E100H35-512~1024-3-N/T-24	9,588,240			Ø100mm lỗ 35mm	1025 xung/ vòng
199		EP58SC10-1024-2F-P-24	7,167,960			Ø58mm trục 10mm	Encoder tuyệt đối, 1024 xung/ vòng
200		EP50S8-	4,602,960			Ø50mm cốt 8mm	Loại 8 điểm chia, 12 điểm chia ...
201		ENC-1-*-*24	3,678,480	Ø60mm	2 bánh xe Loại bánh xe đo đơn vị (m, cm, mm, yard)/xung		
202		ENC-1-*-*24-C	3,869,640				
203		ENP-	9,278,280		loại trục Absolute: định vị trí, ngõ ra logic âm/ dương		
204		EC-1	127,440	6mm	Khớp nối mềm Khớp nối Encoder		
205		EC-2		8mm			
206		EC-3		10mm			

Lưu ý: Đối với mã hàng Encoder, Quý khách hàng vui lòng gọi kiểm tra lại giá trước khi báo giá cho khách hàng.

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VNĐ (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
BỘ LẬP TRÌNH					
207	 	A41K-M599	8,485,560		Motor bước Motor bước, 5phase, 1.4A/phase Bộ điều khiển motor bước Bộ lập trình 1 trục giao tiếp qua cổng RS232 Bộ lập trình 4 trục, gắn trực tiếp vào máy tính Bộ lập trình 1 trục giao tiếp qua cổng RS232 Bộ lập trình 1 trục giao tiếp qua cổng USB Bộ lập trình 2 trục giao tiếp qua cổng RS232
208		A4K-M564	3,146,040		
209		A4K-M564-B	5,794,200		
210		A4K-M564W	3,232,440		
211		A8K-M566	3,267,000		
212		A16K-M569	4,349,160		
213		A16K-M569-B	6,955,200		
214		A200K-M599W-G7.2	13,161,960		
215		A50K-M566-G10	8,442,360		
216		PMC-4B-PCI	30,463,560		
217		PMC-1HS-232	9,135,720		
218		PMC-1HS-USB	9,662,760		
219		PMC-2HS-232	10,663,920		
220	PMC-2TU-232	3,817,800			
KHỐI HIỂN THỊ LED - 7 SEGMENT DISPLAY UNIT					
221		D1SC-N	1,663,200	72x96	Kích thước chữ 31.9 x 56.9
222		D1SA_N	632,880	20x33	Kích thước chữ 11 x 20
223		DAR(L)-	22,680		Mã chặn cửa D1SA/ D1AA
224		CT-10S	89,640		Jack nổi cửa D1SA/ D1AA